

KẾ HOẠCH

Đánh giá, xếp hạng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Công văn số 3912/BLĐTBXH-TCGDNN ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Bộ Lao động và Thương binh và Xã hội về việc xếp hạng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 8 năm 2007 của Bộ Lao động và Thương binh xã hội về việc hướng dẫn xếp hạng trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề công lập;

Thực hiện Công văn số 1603/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở Lao động và Thương binh và Xã hội tỉnh Sơn La về việc thực hiện xếp hạng cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường Cao đẳng Sơn La xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện đánh giá, xếp hạng nhà trường với nội dung cụ thể như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tự chấm điểm theo các tiêu chí quy định tại Thông tư số 14/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 8 năm 2007 của Bộ Lao động và Thương binh xã hội.
- Xác định mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo của từng chức danh quản lý trong nhà trường.

2. Yêu cầu

- Các đơn vị trong nhà trường căn cứ tình hình thực tế, xem xét đánh giá nội dung các tiêu chí được phân công và bảng điểm xếp hạng để đánh giá chính xác, đảm bảo thời gian quy định.
- Việc chấm điểm phải có các minh chứng cụ thể, mang tính thuyết phục.

III. CÔNG CỤ, NGUYÊN TẮC, XẾP HẠNG

1. Công cụ

Bộ tiêu chí và bảng điểm xếp hạng trường cao đẳng nghề ban hành kèm theo Thông tư số 14/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 8 năm 2007 của Bộ Lao động và Thương binh xã hội.

2. Nguyên tắc

2.1. Xếp hạng nhà trường được xác định trên cơ sở đánh giá thực trạng và tính điểm theo 4 nhóm tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí I: Quy mô đào tạo, số nghề đào tạo.
- Nhóm tiêu chí II: Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên.
- Nhóm tiêu chí III: Cơ sở vật chất, thiết bị và chương trình, giáo trình, phương tiện dạy học.

- Nhóm tiêu chí IV: Hiệu quả sử dụng các nguồn lực và kết quả hoạt động.

2.2. Hạng của cơ sở dạy nghề được xác định trên cơ sở tổng số điểm đạt được theo 4 nhóm tiêu chí quy định trên.

3. Xếp hạng

3.1. Thang điểm đánh giá xếp hạng cơ sở dạy nghề là 100 điểm.

3.2. Xếp hạng cơ sở dạy nghề:

- Hạng I: đạt số điểm từ 86 điểm trở lên.

- Hạng II: đạt số điểm dưới 86 điểm.

IV. NỘI DUNG GIAO NHIỆM VỤ

(Nội dung cụ thể từng nhóm tiêu chí và điểm xếp hạng có Phụ lục 1 đính kèm)

TT	Tiêu chí	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
A.	Nhóm tiêu chí I: Quy mô đào tạo, số nghề đào tạo		
1.	Quy mô tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp	P. ĐT	
2.	Quy mô đào tạo chung (cao đẳng và trung cấp)	TT.TS-HN-GTVL	
3.	Số ngành, nghề đào tạo trình độ cao đẳng	P. ĐT	
B.	Nhóm tiêu chí II: Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên		
1.	Cơ cấu tổ chức	P. TCHC	
2.	Đội ngũ cán bộ, giảng viên	P. TCHC	
C.	Nhóm tiêu chí III: Cơ sở vật chất, thiết bị và chương trình, giáo trình, phương tiện dạy học		
1.	Cơ sở vật chất		
	a) Diện tích đất sử dụng	P. QTTB	
	b) Nhà xưởng, phòng học	P. QTTB	
	c) Thư viện	P. QTTB	TT. TTTV
	d) Ký túc xá	P. QTTB	P. CTHSSV
	e) Khu rèn luyện thể chất	P. QTTB	
	f) Phòng y tế	P. QTTB	P. CTHSSV
2.	Thiết bị dạy và học nghề	P. QTTB	Các khoa
3.	Chương trình, giáo trình, phương tiện dạy học		
	a) Chương trình	P. ĐT	
	b) Giáo trình	P. ĐT	TT. TV-TT

	c) Phương tiện dạy học	P. ĐT	P. QT-TB
D	Nhóm tiêu chí IV: Hiệu quả sử dụng các nguồn lực và kết quả hoạt động		
1.	Sử dụng các nguồn lực đầu tư	P. KHTC	
2.	Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ kết hợp với đào tạo để tăng nguồn thu cho nhà trường	P. KHTC	
3.	Phối hợp với doanh nghiệp để đào tạo	P. ĐT	Các khoa
4.	Cơ sở vật chất, thiết bị, máy móc đầu tư được sử dụng vào mục đích đào tạo	P. QTTB	
5.	Tỷ lệ % học sinh - sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp	TT. TS-HN-GTVL	

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Khảo thí-Đảm bảo chất lượng

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch xếp hạng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp hạng tiêu chí từ các đơn vị trong nhà trường.
- Lập báo cáo kết quả xếp hạng:
 - + Bảng tự đánh giá, chấm điểm của nhà trường.
 - + Tổng hợp các văn bản, tài liệu, hồ sơ chứng minh số điểm đã đạt được.
- Gửi Báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Sơn La đúng thời hạn quy định.

2. Các đơn vị trực thuộc

Theo phân công phụ trách các nội dung ở bảng trên, các đơn vị viết báo cáo, thu thập thông tin, minh chứng của từng nội dung. Gửi báo cáo, minh chứng về P. KT-ĐBCL (đ/c Trần Diệu An) trước ngày 01/12/2021.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện xếp hạng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Sơn La. Nhà trường yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (chỉ đạo);
- Các đơn vị trực thuộc (thực hiện);
- Lưu: VT, KTCL.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long

PHỤ LỤC 1

TIÊU CHÍ VÀ BẢNG ĐIỂM XẾP HẠNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A.	Nhóm tiêu chí I: Quy mô đào tạo, số nghề đào tạo	25 điểm
1.	Quy mô tuyển sinh cao đẳng nghề	(12 điểm)
	- Từ 300 sinh viên/năm trở lên	12 điểm
	- Dưới 300 sinh viên/năm	6 điểm
2.	Quy mô đào tạo chung (cao đẳng nghề và trung cấp nghề)	(5 điểm)
	- Từ 1.000 học sinh, sinh viên trở lên	5 điểm
	- Dưới 1.000 học sinh, sinh viên	3 điểm
3.	Số nghề đào tạo trình độ cao đẳng	(8 điểm)
	- Trên 6 nghề	8 điểm
	- Từ 4 đến 6 nghề	6 điểm
	- Dưới 4 nghề	4 điểm
B.	Nhóm tiêu chí II: Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên	25 điểm
1.	Cơ cấu tổ chức	(5 điểm)
	Số phòng, khoa trung tâm và tương đương thuộc trường (sau đây gọi chung là đơn vị):	
	- Từ 10 đơn vị trở lên	5 điểm
	- Từ 7 đến 9 đơn vị	4 điểm
	- Dưới 7 đơn vị	3 điểm
2.	Đội ngũ cán bộ, giáo viên	(20 điểm)
	a) Số cán bộ, giáo viên cơ hữu	(8 điểm)
	- Từ 150 người trở lên	8 điểm
	- Từ 100 đến dưới 150 người	6 điểm
	- Dưới 100 người	4 điểm
	b) Số học sinh, sinh viên học nghề quy đổi/số giáo viên, giảng viên dạy nghề quy đổi	(2 điểm)
	- Dưới 25 học sinh, sinh viên/01 giáo viên, giảng viên	2 điểm
	- Từ 25 học sinh, sinh viên trở lên/01 giáo viên, giảng viên	1 điểm
	c) Trình độ đội ngũ cán bộ, giáo viên	(10 điểm)
	- Trình độ được đào tạo của đội ngũ cán bộ quản lý:	(2 điểm)
	+ 100% cán bộ quản lý có trình độ từ đại học trở lên	2 điểm
	+ Từ 80 đến dưới 100% cán bộ quản lý có trình độ đại học trở lên	1 điểm

	+ Dưới 80% cán bộ quản lý có trình độ đại học trở lên	0,5 điểm
	- Trình độ được đào tạo của đội ngũ giáo viên: + 100% đạt chuẩn theo quy định của Luật Dạy nghề + Từ 70 đến dưới 100% đạt chuẩn theo quy định + Dưới 70% đạt chuẩn theo quy định	(2 điểm) 2 điểm 1 điểm 0,5 điểm
	- Tỷ lệ giáo viên có trình độ trên đại học: + Từ 5% trở lên + Dưới 5%	(2 điểm) 2 điểm 1 điểm
	- Trình độ sư phạm: + 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ sư phạm (có bằng tốt nghiệp sư phạm kỹ thuật hoặc chứng chỉ sư phạm bậc II hoặc chứng chỉ sư phạm dạy nghề) + Từ 70 đến dưới 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ sư phạm + Dưới 70% giáo viên đạt chuẩn về trình độ sư phạm	(2 điểm) 2 điểm 1 điểm 0,5 điểm
	- Trình độ tin học: + Từ 70% giáo viên có trình độ tin học B hoặc tương đương trở lên + Dưới 70% giáo viên có trình độ tin học B hoặc tương đương	(1 điểm) 1 điểm 0,5 điểm
	- Trình độ ngoại ngữ: + Từ 70% giáo viên có trình độ ngoại ngữ B hoặc tương đương trở lên + Dưới 70% giáo viên có trình độ ngoại ngữ B hoặc tương đương	(1 điểm) 1 điểm 0,5 điểm
C.	Nhóm tiêu chí III: Cơ sở vật chất, thiết bị và chương trình, giáo trình, phương tiện dạy học	40 điểm
1.	Cơ sở vật chất	(21 điểm)
	a) Diện tích đất sử dụng	(4 điểm)
	- Có diện tích đất sử dụng đạt chuẩn quy định (20.000 m ² đối với khu vực đô thị và 40.000 m ² đối với khu vực ngoài đô thị) - Có diện tích đất sử dụng chưa đạt chuẩn quy định (dưới 20.000 m ² đối với khu vực đô thị và 40.000 m ² đối với khu vực ngoài đô thị)	4 điểm 2 điểm
	b) Nhà xưởng, phòng học	(10 điểm)
	- Phòng học lý thuyết, thực hành: + Có số phòng học lý thuyết, thực hành đáp ứng được quy mô đào tạo theo tiêu chuẩn quy định (diện tích phòng học lý thuyết tối thiểu 1,5 m ² /chỗ học; diện tích phòng học thực hành tối thiểu từ 4 - 6 m ² /chỗ thực hành) + Có số phòng học lý thuyết, thực hành nhưng chưa đáp ứng được quy mô đào tạo theo tiêu chuẩn quy định (diện tích phòng học lý thuyết tối thiểu 1,5 m ² /chỗ học; diện tích phòng học thực hành dưới 4 m ² /chỗ thực hành)	(4 điểm) 4 điểm 2 điểm

	- Xưởng thực hành: + Có xưởng thực hành đáp ứng được yêu cầu thực hành cơ bản theo chương trình đào tạo cao đẳng nghề + Có xưởng thực hành nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu thực hành cơ bản theo chương trình đào tạo cao đẳng nghề	(4 điểm) 4 điểm 2 điểm
	- Phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn: + Có đủ phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu theo chương trình đào tạo cao đẳng nghề + Chưa đủ phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu theo chương trình đào tạo cao đẳng nghề	(2 điểm) 2 điểm 1 điểm
	c) Thư viện: + Thư viện có chỗ ngồi đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho 15% học sinh và 25% cán bộ giảng dạy trở lên (Diện tích đảm bảo 1,8m ² /chỗ đọc và 1,5m ² chỗ đọc đối với thư viện điện tử) + Thư viện có chỗ ngồi nhưng chưa đáp ứng yêu cầu tối thiểu, dưới 15% cho học sinh và dưới 25% cán bộ giảng dạy (Diện tích dưới 1,8m ² /chỗ đọc và 1,5m ² chỗ đọc đối với thư viện điện tử)	(3 điểm) 3 điểm 1,5 điểm
	d) Ký túc xá: + Có ký túc xá đáp ứng tối thiểu 50% số lượng học sinh, sinh viên theo quy mô đào tạo trở lên + Ký túc xá đáp ứng dưới 50% số lượng học sinh, sinh viên theo quy mô đào tạo	(2 điểm) 2 điểm 1 điểm
	e) Khu rèn luyện thể chất: + Có đủ diện tích để phục vụ cho học sinh, sinh viên và giáo viên rèn luyện thể chất theo tiêu chuẩn thiết kế + Chưa đủ diện tích để phục vụ cho học sinh, sinh viên và giáo viên rèn luyện thể chất theo tiêu chuẩn thiết kế	(1 điểm) 1 điểm 0,5 điểm
	f) Phòng y tế: + Có phòng y tế với trang thiết bị đáp ứng tối thiểu điều kiện chăm sóc sức khỏe cho giáo viên, học sinh trong trường + Có phòng y tế với trang thiết bị nhưng chưa đáp ứng tối thiểu điều kiện chăm sóc sức khỏe cho giáo viên, học sinh trong trường	(1 điểm) 1 điểm 0,5 điểm
2.	Thiết bị dạy và học nghề	(9 điểm)
	- Chung loại thiết bị: + Có đủ chung loại thiết bị phù hợp với nghề đào tạo + Chưa có đủ chung loại thiết bị phù hợp với nghề đào tạo	(3 điểm) 3 điểm 1,5 điểm
	- Số lượng thiết bị:	(3 điểm)

	+ Số lượng thiết bị đáp ứng đủ theo quy mô đào tạo	3 điểm
	+ Số lượng thiết bị chưa đáp ứng đủ theo quy mô đào tạo	1,5 điểm
	- Công nghệ của thiết bị:	(3 điểm)
	+ Từ 50% thiết bị dạy nghề trở lên được sản xuất cách thời điểm đánh giá là 5 năm trở lại	3 điểm
	+ Dưới 50% thiết bị dạy nghề được sản xuất cách thời điểm đánh giá là 5 năm trở lại	1,5 điểm
3.	Chương trình, giáo trình, phương tiện dạy học	(10 điểm)
	a) Chương trình	(3 điểm)
	- 100% chương trình đào tạo được xây dựng theo chương trình khung do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành và được cập nhật, điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với công nghệ mới	3 điểm
	- Dưới 100% chương trình đào tạo được xây dựng theo chương trình khung do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc các chương trình chưa được cập nhật, điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với công nghệ mới	1,5 điểm
	b) Giáo trình	(4 điểm)
	- Có đủ giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy cho các chương trình đào tạo của trường	4 điểm
	- Chưa có đủ giáo trình hoặc tài liệu giảng dạy cho các chương trình đào tạo của trường	2 điểm
	c) Phương tiện dạy học	(3 điểm)
	- Mô hình học cụ:	(1 điểm)
	+ Có đủ mô hình học cụ và mô hình học cụ luôn được đổi mới theo yêu cầu của chương trình đào tạo	1 điểm
	+ Chưa có đủ mô hình học cụ và mô hình học cụ chưa được đổi mới theo yêu cầu của chương trình đào tạo	0,5 điểm
	- Thiết bị đa phương tiện	(1 điểm)
	+ Có thiết bị đa phương tiện đáp ứng 100% yêu cầu giảng dạy theo chương trình đào tạo	1 điểm
	+ Có thiết bị đa phương tiện đáp ứng dưới 100% yêu cầu giảng dạy theo chương trình đào tạo	0,5 điểm
	- Phần mềm dạy học:	(1 điểm)
	- Có đủ phần mềm dạy học đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập	1 điểm
	- Chưa có đủ phần mềm dạy học đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập	0,5 điểm
D	Nhóm tiêu chí IV: Hiệu quả sử dụng các nguồn lực và kết quả hoạt động	10 điểm
1.	Sử dụng các nguồn lực đầu tư	(1 điểm)

	- Đúng mục đích và có hiệu quả - Chưa đúng mục đích, hiệu quả chưa cao	1 điểm 0 điểm
2.	Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ kết hợp với đào tạo để tăng nguồn thu cho nhà trường	(2 điểm)
	- Có các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ kết hợp với đào tạo để tăng nguồn thu cho nhà trường - Chưa có các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ kết hợp với đào tạo để tăng nguồn thu cho nhà trường	2 điểm 0 điểm
3.	Phối hợp với doanh nghiệp để đào tạo nghề	(3 điểm)
	- Có phối hợp với doanh nghiệp để đào tạo nghề - Chưa phối hợp với doanh nghiệp để đào tạo nghề	3 điểm 0 điểm
4.	Cơ sở vật chất, thiết bị, máy móc đầu tư được sử dụng vào mục đích đào tạo	(1 điểm)
	- 100% - Dưới 100%	1 điểm 0,5 điểm
5.	Tỷ lệ % học sinh - sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp	(3 điểm)
	- Từ 70% trở lên - Dưới 70%	3 điểm 1,5 điểm